

Mối quan hệ giữa chính sách tôn giáo và ngoại giao văn hóa (Trường hợp Hàn Quốc và Việt Nam)

Vũ Hoàng Hà*

Tóm tắt: Bài viết phân tích và so sánh cách thức chính sách tôn giáo của Hàn Quốc và Việt Nam tác động đến ngoại giao văn hóa của mỗi quốc gia. Kết quả cho thấy, Hàn Quốc dựa trên hệ thống pháp luật và hành chính với nguyên tắc phân tách giữa tôn giáo và nhà nước, phát triển hoạt động tôn giáo quốc tế và ngoại giao nhân đạo. Việt Nam duy trì cơ chế quản lý nhà nước đối với tôn giáo, mở rộng tự do tôn giáo, khuyến khích các hoạt động giao lưu văn hóa. Hoạt động giao lưu ngoại giao và văn hóa của Hàn Quốc và Việt Nam đã góp phần tăng cường sự hiểu biết văn hóa giữa hai dân tộc. Như vậy, chính sách tôn giáo có thể vận hành như một thành tố của ngoại giao văn hóa, đồng thời khẳng định ý nghĩa của việc xây dựng nền tảng chính sách nhằm mở rộng hợp tác song phương giữa Hàn Quốc và Việt Nam.

Từ khóa: chính sách tôn giáo; ngoại giao văn hóa; giao lưu văn hóa; Hàn Quốc; Việt Nam.

Ngày nhận: 21/10/2025; ngày chỉnh sửa: 09/12/2025; ngày chấp nhận đăng: 31/12/2025

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2025.11.2b.4>

1. Mở đầu

Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1992, Hàn Quốc và Việt Nam đã không ngừng mở rộng phạm vi và chiều sâu hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Gần đây, hai quốc gia đã chú trọng đến kênh ngoại giao nhà nước thông qua các cuộc giao lưu, trao đổi giá trị văn hóa nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau. Trong bối cảnh tôn giáo là một trong những yếu tố quan trọng của ngoại giao văn hóa, chính sách tôn giáo trở thành một công cụ chiến lược nhằm phát triển sâu rộng hơn mối quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia. Về cơ bản, chính sách tôn

giáo của hai quốc gia có sự khác biệt xuất phát từ ý thức hệ chính trị, lịch sử và thiết chế xã hội. Điều 20 của Hiến pháp Hàn Quốc quy định nhà nước bảo đảm quyền tự do tôn giáo và nguyên tắc phân tách giữa tôn giáo và nhà nước. Trên cơ sở đó, các tổ chức tôn giáo, tiêu biểu là Phật giáo, đạo Tin Lành và Công giáo, đã dựa vào mạng lưới quốc tế để triển khai nhiều hoạt động đối ngoại đa dạng như truyền giáo, nhân đạo, các phong trào vì hòa bình và môi trường. Những hoạt động này ít nhiều có sự gắn kết với chính sách ngoại giao nhà nước. Vì thế, ở một góc nhìn nào đó, tôn giáo Hàn Quốc được cho là đang đảm nhận vai trò như một chủ thể phi chính phủ trong ngoại giao văn hóa quốc gia.

* Trường Đại học Thăng Long;
email: havh@thanglong.edu.vn

Với đặc trưng của thể chế xã hội chủ nghĩa, với những yếu tố lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, Việt Nam xây dựng và duy trì chính sách tôn giáo mang tính quản lý nhà nước. Từ sau Đổi mới năm 1986, Việt Nam từng bước mở cửa và điều chỉnh chính sách nhằm mở rộng sự giao lưu, gắn kết với cộng đồng quốc tế, đồng thời phản ánh chân thực thực tiễn xã hội đa tôn giáo. *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* (ban hành năm 2016) vừa bảo đảm quyền tự do tôn giáo, vừa quy định rõ quyền quản lý của nhà nước; tạo cơ sở pháp lý cho việc thúc đẩy giao lưu quốc tế về tôn giáo và khai thác tiềm năng của tôn giáo trong ngoại giao văn hóa.

Những biến đổi về chính sách của hai quốc gia thể hiện rõ nét qua thực tiễn xã hội. Tông phái Tào Khê (Jogye) của Phật giáo Hàn Quốc đã thúc đẩy nhiều hoạt động ngoại giao nhân dân thông qua hợp tác với Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Các tổ chức đạo Tin Lành và Công giáo của Hàn Quốc cũng hợp tác với một số địa phương của Việt Nam trong các hoạt động giao lưu thiện nguyện, y tế và giáo dục. Cộng đồng người Việt ở nước ngoài đã sử dụng tôn giáo như một phương tiện để duy trì bản sắc văn hóa, đồng thời đóng góp vào tiến trình hội nhập xã hội và hình thành cộng đồng tôn giáo Việt Nam nơi sở tại. Có thể nói, trong thời đại hội nhập, tôn giáo đang vận hành như một mắt xích nhân văn - văn hóa quan trọng trong mối quan hệ giữa các quốc gia.

Nghiên cứu này tập trung so sánh và phân tích chính sách tôn giáo của Hàn Quốc và Việt Nam dựa trên các câu hỏi nghiên cứu chính sau:

i. Thực trạng chính sách tôn giáo của Hàn Quốc và Việt Nam trong giai đoạn hiện nay như thế nào?

ii. Mối quan hệ giữa chính sách tôn giáo và ngoại giao văn hóa ở Hàn Quốc và Việt Nam thể hiện dưới những phương diện nào?

iii. Vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội và trong ngoại giao văn hóa của hai quốc gia được biểu hiện thế nào qua Phật giáo, đạo Tin Lành và Công giáo?

Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ mối quan hệ giữa chính sách tôn giáo và ngoại giao văn hóa ở Hàn Quốc và Việt Nam, qua đó bổ sung cơ sở lý luận về vai trò của tôn giáo trong việc thực hiện quyền lực mềm và hoạt động đối ngoại văn hóa ở khu vực châu Á; đồng thời có giá trị tham khảo cho việc hoạch định chính sách văn hóa – đối ngoại và thúc đẩy giao lưu tôn giáo giữa hai nước Việt – Hàn theo hướng phát triển bền vững.

2. Tổng quan nghiên cứu

Về mô hình chính sách tôn giáo, có thể kể đến công trình của Kim (2017), Nguyễn Quang Hưng (2014), Trần Thị Thúy Ngọc (2025), Trần Thị Thúy Ngọc (2025), v.v.. Kim (2017) chia chính sách tôn giáo thành ba tiểu nhóm: mô hình quản lý, mô hình hợp tác và mô hình thể tục. Khi so sánh giữa Hàn Quốc và Việt Nam, ông xác định Hàn Quốc là trường hợp điển hình của mô hình hợp tác, thừa nhận tính tự chủ và tính đa nguyên của tôn giáo; Việt Nam được xếp vào mô hình quản lý với chế độ cấp phép của nhà nước. Sự khác biệt này quy định đặc trưng của chiến lược tổ chức hoạt động tôn giáo vì mục đích ngoại giao văn hóa; quy định diện mạo đa dạng của ngoại giao văn hóa. Theo Kim (2017), 4 yếu tố cơ bản của chính sách tôn giáo gồm có: i) cơ sở pháp lý và hành chính; ii) mức độ tự do tôn giáo; iii) mức độ hợp tác giữa nhà nước và tôn giáo; iv) ứng xử với các tổ chức tôn giáo nước ngoài. Mỗi yếu tố này đều ít nhiều có ảnh hưởng đến tính cộng đồng của tôn giáo cũng như khả năng khai thác tôn giáo cho mục đích ngoại giao.

Tại Việt Nam, Nguyễn Quang Hưng (2014) nghiên cứu chính sách tôn giáo của

Việt Nam trong bối cảnh khu vực qua so sánh với Hàn Quốc. Theo ông, Hàn Quốc theo đuổi mô hình thể tục dân chủ tư sản – mô hình thể tục tích cực của phương Tây, tức thể tục một nửa. Trong khi đó, Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác làm kim chỉ nam và theo đuổi mô hình thể tục tuyệt đối. Tác giả cho rằng, các tổ chức tôn giáo của Hàn Quốc về nguyên tắc là không can dự vào chính trị nhưng vẫn hợp tác với nhà nước trong những công việc chung, chưa bao giờ mang tính đối kháng. Cùng với quá trình hội nhập, chính sách tôn giáo của Việt Nam đang thay đổi, chú trọng hơn đến vai trò của tôn giáo trong quá trình phát triển xã hội. Nghiên cứu của Trần Thị Thúy Ngọc (2025) đánh giá chính sách tôn giáo của Việt Nam dưới góc nhìn bảo tồn di sản văn hóa và hội nhập cộng đồng. Tác giả cho rằng sự hỗ trợ của chính phủ đối với các cơ sở tôn giáo, sự tham gia của cộng đồng địa phương, cũng như năng lực thích ứng hiện đại của các tổ chức tôn giáo đã có những tác động tích cực đến việc mở rộng tính công cộng của tôn giáo, đảm bảo tính bền vững của ngoại giao di sản văn hóa.

Có thể thấy, chính sách tôn giáo với vai trò là công cụ kiểm soát pháp lý - thể chế, cũng là yếu tố nền tảng cho ngoại giao văn hóa, hội nhập xã hội và hình thành bản sắc khu vực. Thông qua các chỉ báo thể chế như chế độ đăng ký tổ chức tôn giáo hay việc cấp phép hoạt động cho các tổ chức tôn giáo nước ngoài, các nghiên cứu có trước đã xác lập tiêu chí xác định mô hình chính sách. Đây là căn cứ quan trọng để chúng tôi thực hiện phân tích những hàm ý ngoại giao – văn hóa của chính sách tôn giáo tại Hàn Quốc và Việt Nam.

Với nhóm các công trình nghiên cứu về chức năng ngoại giao - văn hóa của các tổ chức tôn giáo Hàn Quốc, có thể kể đến các công trình của Kang (2015), Kim (2019), Park (2022), v.v.. Kang (2015) cho rằng, ngoại giao văn hóa của Hàn Quốc hiện đang

ngiên về mô hình do chính phủ dẫn dắt, tập trung vào các nội dung của làn sóng Hallyu; các tổ chức tôn giáo và xã hội chưa tham gia đầy đủ với tư cách là những chủ thể của ngoại giao văn hóa. Để đảm bảo tính đa dạng và bền vững của ngoại giao văn hóa, cần khai thác tích cực hơn những tài sản văn hóa truyền thống (trong đó có tôn giáo). Theo Kim (2019), khi nhà nước cung cấp hỗ trợ tài chính cho một số tổ chức tôn giáo nhất định nào đó thì nguyên tắc phân tách giữa tôn giáo và nhà nước có thể bị vi phạm, đồng thời, tính tự chủ của các tổ chức tôn giáo cũng có nguy cơ bị suy yếu. Cấu trúc này có thể khiến các tổ chức tôn giáo đánh mất vai trò như một chủ thể độc lập của ngoại giao văn hóa và trở nên lệ thuộc vào nhà nước với tư cách là một kênh trung gian.

Park (2022) cho rằng, Phật giáo, đạo Tin Lành và Công giáo có nhiều đóng góp cho ngoại giao nhà nước của Hàn Quốc qua chiến lược ngoại giao - văn hóa và có tiềm năng trở thành những chủ thể ngoại giao văn hóa độc lập. Tông phái Tào Khê (Jogye) của Phật giáo thực hiện ngoại giao tôn giáo theo hướng giao lưu văn hóa, tổ chức các chương trình thiện định và diễn đàn chung với Phật giáo khu vực Đông Á. Với sự gắn kết và phối hợp với các tổ chức phi chính phủ (Non-Governmental Organization - NGO), đạo Tin Lành triển khai các hoạt động nhân đạo nhằm xây dựng hình ảnh và lòng tin ở phạm vi toàn cầu. Công giáo Hàn Quốc tận dụng kênh ngoại giao với Tòa thánh Vatican để thực hành “ngoại giao đạo đức”, tập trung vào các giá trị hòa bình, nhân quyền và bảo vệ môi trường sinh thái.

Lĩnh vực nghiên cứu về chính sách tôn giáo và chiến lược ngoại giao văn hóa của Việt Nam có một số công trình tiêu biểu như: Nguyễn Thị Hạnh và Vũ Quang Hưng (2019), Trần Thị Thảo Hiền (2022), Nguyễn Anh Cường và cộng sự (2022), Đậu Tuấn Nam và Nguyễn Anh Cường (2023), Lê Lan

Thảo (2024), v.v.. Nguyễn Thị Hạnh và Vũ Quang Hưng (2019) cho rằng, thông qua *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* (2016), hoạt động tôn giáo được quản lý theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, Chính phủ từng bước thực hiện chính sách mở cửa nhằm thích ứng với yêu cầu của thời đại hội nhập. Phật giáo, đạo Cao Đài và Công giáo đã có những đóng góp thực chất cho chiến lược ngoại giao văn hóa của nhà nước thông qua các hoạt động từ thiện, giao lưu quốc tế và sự kiện du lịch. Tác giả Trần Thị Thảo Hiền (2022) nhận định: Những biến đổi trong chính sách tôn giáo của Việt Nam sau công cuộc Đổi mới (1986) có mối liên hệ mật thiết với chiến lược thúc đẩy hội nhập xã hội và củng cố tính chính danh trong chính trị quốc tế. Trong cấu trúc hợp tác giữa các tổ chức tôn giáo và cộng đồng địa phương, các tổ chức tôn giáo nổi lên như những chủ thể mới của ngoại giao văn hóa tại Việt Nam.

Theo Lê Lan Thảo (2024), các tổ chức tôn giáo, trong quá trình thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những biến đổi của môi trường văn hóa toàn cầu, có thể trở thành những chủ thể đóng vai trò trong ngoại giao di sản văn hóa cũng như thúc đẩy sự gắn kết cộng đồng. Các tổ chức tôn giáo có thể đóng vai trò trung gian của sức mạnh mềm thông qua việc sản xuất nội dung trực tuyến, tổ chức các sự kiện quốc tế và tham gia vào các hoạt động giao lưu văn hóa. Ngoài ra, nhóm tác giả Đậu Tuấn Nam và Nguyễn Anh Cường (2023) cũng khẳng định rằng nền tảng pháp lý của chính sách tôn giáo của Việt Nam ngày càng được xác lập rõ ràng. Điều này góp phần nâng cao độ tin cậy của ngoại giao văn hóa của Việt Nam trên trường quốc tế.

Có thể thấy, các nghiên cứu trước đây đã cung cấp nhiều luận điểm phong phú liên quan đến việc phân loại chính sách tôn giáo, chức năng ngoại giao - văn hóa của các tông phái, cấu trúc thể chế trong quan hệ giữa nhà nước và tôn giáo, cũng như khả năng khai

thác sức mạnh mềm của các tổ chức tôn giáo phi chính phủ. Nghiên cứu này của tôi tiến hành phân tích lý thuyết kết hợp với khảo sát thực chứng dựa trên các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về mối liên hệ giữa chính sách tôn giáo và ngoại giao văn hóa. Trên cơ sở kế thừa và phát triển thành tựu của các nghiên cứu có trước, hi vọng bài viết sẽ góp phần lấp dần khoảng trống trong nghiên cứu so sánh chính sách, đồng thời phân tích rõ hơn các hàm ý ngoại giao - văn hóa của chính sách tôn giáo ở Hàn Quốc và Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp tiếp cận, đây là một nghiên cứu so sánh chính sách (comparative policy study) với lựa chọn sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính. Cụ thể, tôi sử dụng kết hợp các phương pháp điều tra tư liệu, phân tích thể chế, so sánh chính sách và phân tích trường hợp nhằm tiếp cận vấn đề từ góc nhìn toàn diện. Nghiên cứu tiến hành phân tích các văn bản pháp luật chủ yếu của mỗi quốc gia như *Hiến pháp*; *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, cùng với các văn kiện chính sách liên quan đến tôn giáo và một số nguồn tài liệu liên quan khác.

Khi thực hiện việc so sánh và phân tích chính sách tôn giáo, tôi dựa trên tiêu chí phân loại mô hình chính sách tôn giáo của Kim (2017) để tiến hành so sánh cấu trúc chính sách tôn giáo của hai quốc gia, tập trung vào các chỉ báo chính như cơ cấu hành chính, nền tảng pháp lý, phạm vi hoạt động tôn giáo, cách ứng xử đối với các tổ chức tôn giáo nước ngoài, từ đó rút ra một vài điểm khác biệt. Phần phân tích trường hợp tập trung làm rõ sự tương tác thực tiễn thông qua các hoạt động giao lưu tôn giáo Hàn - Việt, bao gồm sự tham gia của các tổ chức tôn giáo Hàn Quốc tại Việt Nam, thực hành tôn giáo của người Việt Nam tại Hàn Quốc,

cũng như các dự án hợp tác chung giữa hai bên. Nghiên cứu này, với tư cách là một nguồn tư liệu nền tảng, có ý nghĩa trong việc cung cấp những gợi ý thực tiễn phục vụ cho quá trình hoạch định các chiến lược đó.

4. Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu

4.1. Khái niệm và cách tiếp cận về chính sách tôn giáo

Chính sách tôn giáo là một khái niệm bao quát cách thức nhà nước nhận diện các hiện tượng liên quan đến tôn giáo, cơ chế can thiệp mang tính thể chế, phương thức phòng ngừa xung đột xã hội và điều chỉnh vai trò công cộng của tôn giáo. Chính sách tôn giáo bao gồm nhiều yếu tố khác nhau như: hiến pháp, các luật về tôn giáo, cơ quan quản lý hành chính và hệ thống giám sát, chế độ đăng ký và hỗ trợ ngân sách, kiểm soát hoạt động giao lưu quốc tế, v.v.. Mục tiêu của chính sách là vừa bảo đảm tự do tôn giáo, vừa duy trì trật tự công cộng và an ninh quốc gia. Chính sách tôn giáo phản ánh nhận thức tổng thể và hệ thống ứng phó của nhà nước đối với toàn bộ đời sống tôn giáo (Kim 2017: 24).

Chức năng của chính sách tôn giáo thể hiện ở ba phương diện lớn: i. vừa bảo đảm tự do tôn giáo, vừa có chức năng bảo vệ an ninh, trật tự và quyền lợi công cộng; ii. trong bối cảnh xã hội đa tôn giáo, chính sách tôn giáo đóng vai trò phòng ngừa xung đột giữa các tôn giáo và định hướng sự chung sống hòa bình; iii. bằng việc hỗ trợ hoặc điều chỉnh mang tính thể chế những đóng góp xã hội và giá trị văn hóa của các tổ chức tôn giáo, chính sách tôn giáo khai thác tôn giáo như một nguồn lực phục vụ lợi ích công (Grim và Finke 2011: 94-97). Chính sách tôn giáo còn khai thác tôn giáo như một nguồn lực ngoại giao văn hóa, góp phần nâng cao hình ảnh quốc gia và trở thành công cụ của ngoại giao nhà nước. Chính

sách tôn giáo thường được phân thành ba mô hình: mô hình thể tục, mô hình quốc giáo, mô hình hợp tác.

i. Mô hình thể tục (Secularism): Nhà nước xác định và duy trì sự tách biệt nghiêm ngặt với tôn giáo, lấy nguyên tắc phân li giữa nhà nước và tôn giáo làm nền tảng. Nhà nước (điển hình là Pháp) không cung cấp hỗ trợ tài chính hoặc can thiệp thể chế vào tôn giáo, đồng thời hạn chế việc sử dụng các biểu tượng tôn giáo trong không gian công cộng. Mô hình này có ưu điểm là nhấn mạnh tự do tôn giáo, song cũng bị phê phán vì hạn chế sự tham gia của tôn giáo trong đời sống công cộng (Casanova 1994).

ii. Mô hình quốc giáo (State Church Model) thừa nhận một tôn giáo nhất định là tôn giáo chính thức của quốc gia và bảo vệ nó bằng các thiết chế như luật pháp, giáo dục và ngân sách nhà nước. Ở các quốc gia có mô hình này (Giáo hội Anh quốc của Vương quốc Anh; Giáo hội Luther của Đan Mạch), mối liên hệ giữa các nghi lễ quốc gia và tôn giáo rất chặt chẽ. Mô hình này có thể giúp củng cố bản sắc xã hội và tăng cường tính gắn kết cộng đồng, nhưng cũng tồn tại vấn đề phân biệt đối xử đối với các tôn giáo thiểu số (Grim và Finke 2011).

iii. Mô hình hợp tác (Cooperative Model): Nhà nước duy trì nguyên tắc phân tách giữa tôn giáo và chính trị, đồng thời thừa nhận các chức năng công cộng của tôn giáo và thiết lập một mức độ hợp tác thể chế nhất định. Các tổ chức tôn giáo của Đức và Hàn Quốc được trao tư cách pháp nhân, hoạt động trong lĩnh vực phúc lợi xã hội, tham gia vào việc bảo tồn di sản văn hóa. Mô hình này được xem là một hình thức dung hòa của hai mô hình trên: vừa công nhận đóng góp vì lợi ích công của tôn giáo, vừa không vi phạm nguyên tắc phân li giữa nhà nước và tôn giáo (Kim 2017: 32).

Hiến pháp Hàn Quốc (Điều 20) quy định rõ về quyền tự do tôn giáo của mọi công dân và nhấn mạnh không tồn tại quốc giáo, đặc

biệt, tôn giáo và chính trị phải tách biệt. Trên cơ sở nguyên tắc thể tục này, Hàn Quốc vận hành một hệ thống quản lý có bổ sung yếu tố hợp tác văn hóa. Văn phòng Tôn giáo trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm quản lý các chính sách chủ chốt, các tổ chức tôn giáo tự chủ triển khai các hoạt động phục vụ lợi ích công như phúc lợi xã hội, giáo dục và hợp tác quốc tế. Các tôn giáo lớn như Phật giáo Tào Khê, Công giáo và đạo Tin Lành tích cực tham gia vào chiến lược ngoại giao văn hóa của chính phủ, gắn kết với ngoại giao Hallyu, hợp tác phát triển và các hoạt động nhân đạo (Park 2022).

Điều 24 của *Hiến pháp Việt Nam* đề cập nội dung bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo. *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* (2016) quy định rõ việc các tổ chức tôn giáo hoạt động dưới sự quản lý của nhà nước, ví dụ như: cấp phép hoạt động, phê duyệt nội dung hoạt động, v.v.). Ban Tôn giáo chính phủ (trước thuộc Bộ Nội vụ, từ 2025 thuộc Bộ dân tộc và Tôn giáo) là cơ quan trung tâm phụ trách chính sách tôn giáo, quản lý các hoạt động tôn giáo trên cơ sở gắn với bảo vệ an ninh quốc gia và định hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, nhằm thúc đẩy công tác ngoại giao văn hóa, nhà nước còn khuyến khích các tổ chức tôn giáo tổ chức các sự kiện văn hóa và khai thác các hoạt động này như một nguồn tài nguyên du lịch; tham gia vào các hoạt động giao lưu quốc tế (Nguyễn Thị Hạnh và Vũ Quang Hưng 2019: 102-106).

Gần đây, chính sách tôn giáo của các quốc gia được tái định hình gắn liền với tiến trình tôn giáo hóa toàn cầu (global religiousness) cùng với sự nổi lên của các mạng lưới tôn giáo xuyên quốc gia. Đối với những quốc gia có sự giao lưu tôn giáo và văn hóa sôi động như Hàn Quốc và Việt Nam, chính sách tôn giáo ngày càng gắn trực tiếp với ngoại giao văn hóa, đồng thời

có sự gắn kết chặt chẽ với hình ảnh quốc gia, hội nhập xã hội và chiến lược sức mạnh mềm (Haynes 2014). Các hoạt động của tổ chức tôn giáo Hàn Quốc tại Việt Nam, việc thực hành tôn giáo của cộng đồng người Việt tại Hàn Quốc cho thấy một dạng thức phức hợp, trong đó chính sách của hai nước có sự tương tác và tác động qua lại lẫn nhau. Các vấn đề như đảm bảo cân bằng và hài hòa giữa tự do tôn giáo và an ninh quốc gia, mức độ kiểm soát đối với hoạt động truyền giáo của các tổ chức tôn giáo nước ngoài, xu hướng phi chính phủ hóa của các tổ chức tôn giáo, v.v. đang được đặt ra khi xây dựng chính sách tôn giáo trong tương lai.

4.2. Lí thuyết sức mạnh mềm và ngoại giao văn hóa

Trong quan hệ quốc tế, học giả Nye (2004) phân chia khái niệm quyền lực thành sức mạnh cứng (hard power) và sức mạnh mềm (soft power), trong đó “sức mạnh mềm” thường được hiểu là sức hấp dẫn, sự thu hút khiến các quốc gia khác tự nguyện đi theo. Nếu như “sức mạnh cứng” dựa trên sự cưỡng ép và lôi kéo thông qua áp lực quân sự và kinh tế, thì “sức mạnh mềm” định hình sở thích, định hướng hành vi của quốc gia khác thông qua các yếu tố như văn hóa, giá trị chính trị và tính chính danh về đạo đức của chính sách. Theo Nye (2004: 11), ba nguồn lực cốt lõi của sức mạnh mềm bao gồm: i. văn hóa - những yếu tố hấp dẫn trong đời sống hằng ngày như âm nhạc, điện ảnh, tôn giáo, ẩm thực, v.v.; ii. giá trị chính trị - các chuẩn mực phổ quát như dân chủ, nhân quyền, pháp quyền, v.v.; iii. chính sách đối ngoại - các định hướng chính sách có tính chính danh quốc tế và mang tính đạo đức. Tôn giáo với tư cách là một thành tố cốt lõi của văn hóa, tác động sâu rộng đến toàn bộ đời sống xã hội thông qua truyền thống, đạo đức và hệ thống niềm tin, có thể trở thành một nguồn lực góp phần nâng cao sức hấp dẫn quốc tế của quốc gia. Bản sắc

văn hóa của Hàn Quốc và Việt Nam (hình thành từ sự kết hợp giữa Phật giáo và Nho giáo) được xem là nguồn lực biểu tượng quan trọng trong ngoại giao văn hóa.

Bước sang thế kỷ XXI, khi các vấn đề siêu quốc gia như quản trị toàn cầu, khủng hoảng biến đổi khí hậu, nhân quyền hay người tị nạn ngày càng trở nên nghiêm trọng, nhận thức về ảnh hưởng quốc tế của tôn giáo cũng có sự thay đổi rõ rệt. Tôn giáo được nhìn nhận như một chủ thể quan trọng của ngoại giao nhà nước (ngoại giao kênh I) hoặc ngoại giao nhân dân (ngoại giao kênh II) (Kim và Park 2020). Các tổ chức NGO dựa trên nền tảng tôn giáo thể hiện ảnh hưởng quốc tế ở các lĩnh vực như ứng phó thiên tai, giáo dục, y tế và hợp tác phát triển. Hoạt động nhân đạo mà các tổ chức này tiến hành chịu ảnh hưởng và có mối liên hệ chặt chẽ với chính sách đối ngoại của các quốc gia (Sani và Fatima 2024). Dựa trên nền tảng luân lý như diễn ngôn về hòa bình, sự tha thứ, hòa giải và tôn trọng sự sống, tôn giáo phát huy vai trò lãnh đạo đạo đức trong cộng đồng quốc tế. Tôn giáo được cho là có tư cách của một cộng đồng tín ngưỡng, được xem như là một chủ thể phi nhà nước, một chủ thể của ngoại giao đạo đức (Haynes 2014). Khi các hoạt động của các tôn giáo như Phật giáo, đạo Tin Lành và Công giáo gắn với chiến lược ngoại giao của nhà nước, nó được vận hành như một công cụ cốt lõi của ngoại giao văn hóa.

Hai thuật ngữ “văn hóa ngoại giao” (외교문화) và “ngoại giao văn hóa” (문화외교) có mối liên hệ mật thiết với nhau, song cũng ít nhiều có sự khác biệt cần được phân định rõ ràng.

Văn hóa ngoại giao (Diplomatic Culture) là khái niệm bao quát các thực hành ngoại giao, hệ giá trị, phong cách giao tiếp, biểu tượng và nghi lễ của một quốc gia hoặc cộng đồng ngoại giao (Björkdahl 2012). Văn hóa ngoại giao là khuôn khổ để một quốc gia thực thi chính sách đối ngoại, định hình cách

thức hành động, ứng xử trong ngoại giao (Wiseman 2005). Tại Đông Á, các nghi lễ và tôn ti Nho giáo, phong cách giao tiếp gián tiếp, coi trọng thể diện được đề cao trong thực tiễn ngoại giao (Yum 1988). Đây cũng là thách thức đối với ngoại giao liên văn hóa của phương Tây (Cohen 2013). Ở Đông Nam Á, thế giới quan tôn giáo đa dạng được phản ánh vào văn hóa ngoại giao, nơi các biểu tượng và chuẩn mực đạo đức tôn giáo vận hành như nguồn lực xây dựng lòng tin ngoại giao và là tài sản của sức mạnh mềm (Raj 2022).

Ngoại giao văn hóa (Cultural Diplomacy) được hiểu là phương thức sử dụng có chiến lược các nguồn lực văn hóa nhằm phục vụ mục tiêu đối ngoại. Một quốc gia truyền bá giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa của dân tộc nhằm tăng cường sự hiểu biết, thiện cảm và sự tin cậy giữa các quốc gia, các dân tộc thông qua các hoạt động trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa, nghệ thuật, v.v.. Đây là hình thức ngoại giao mềm, không gây áp lực, phù hợp với thời đại hội nhập, toàn cầu hóa (Cummings 2003). Thông qua những yếu tố văn hóa (như tôn giáo, ngôn ngữ, nghệ thuật, ẩm thực, lễ hội, v.v.), ngoại giao văn hóa hướng tới việc tạo ra sự đồng cảm và thiện cảm từ quốc gia khác, từ đó tạo cơ sở cho việc thúc đẩy hợp tác chính trị và kinh tế. Khác với ngoại giao nhà nước mang tính truyền thống (ngoại giao Kênh 1 - Track I diplomacy), ngoại giao văn hóa được xếp vào ngoại giao nhân dân (ngoại giao Kênh 2 - Track II diplomacy), với sự tham gia của nhiều chủ thể phi nhà nước như các tổ chức xã hội, tổ chức tôn giáo, giới văn hóa - nghệ thuật và các cơ sở giáo dục (Snow 2009).

Trong nghiên cứu quốc tế, “văn hóa ngoại giao” thường được hiểu là các chuẩn mực và tập quán mang tính bối cảnh, trong đó hoạt động ngoại giao diễn ra (Neumann 2002), trong khi “ngoại giao văn hóa” được coi là các phương tiện và chiến lược phục vụ

cho hoạt động ngoại giao (Nye, 2004). Sự phân biệt tường minh này là cần thiết trong quá trình hoạch định chính sách, giúp nhận diện rõ thời điểm và cách thức các yếu tố văn hóa (gồm tôn giáo) tác động đến hoạt động ngoại giao. Đặc biệt, trong phân tích giao lưu tôn giáo - văn hóa giữa Hàn Quốc và Việt Nam, việc xác định một hiện tượng là hoạt động chiến lược của ngoại giao văn hóa hay là sự biểu hiện của văn hóa ngoại giao sẽ dẫn đến những cách tiếp cận phân tích khác nhau (Zanella và cộng sự 2024).

5. Nội dung nghiên cứu

5.1. Thực trạng chính sách tôn giáo tại Hàn Quốc và Việt Nam

Hàn Quốc và Việt Nam xây dựng chính sách tôn giáo trong những bối cảnh chính trị và xã hội - văn hóa khác nhau. Điều này tất yếu dẫn đến những khác biệt về cơ sở pháp lý, hệ thống hành chính, vị thế xã hội của tôn giáo, cách thức khai thác tôn giáo vì mục đích ngoại giao. Hiến pháp Hàn Quốc đảm bảo quyền tự do tôn giáo và nhấn mạnh nguyên tắc phân li giữa tôn giáo và chính trị. Chính sách tôn giáo của Hàn Quốc đề cao phương thức hợp tác và điều phối. Vai trò của nhà nước giới hạn ở mức độ can thiệp thông qua quản lý hành chính tôn giáo, nhằm hòa giải xung đột giữa các tông phái hoặc hỗ trợ các tôn giáo tham gia vào đời sống xã hội. Tại Việt Nam, *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* (2016) và Nghị định hướng dẫn thi hành (2018) quy định cụ thể về việc thành lập tổ chức tôn giáo, đăng ký chức sắc lãnh đạo, quan hệ giao lưu với nước ngoài, tài chính và xuất bản. Ban Tôn giáo Chính phủ là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm quản lý, các hoạt động tôn giáo được đăng ký và có sự phê chuẩn của nhà nước.

Về cơ cấu và phương thức vận hành, chính sách tôn giáo của Hàn Quốc mang tính phân quyền và tự chủ tương đối cao, tôn

trọng nguyên tắc trung lập của nhà nước và quyền bình đẳng giữa các tôn giáo. Chính phủ khuyến khích các tôn giáo tham gia hoạt động xã hội, giáo dục và ngoại giao theo mô hình hợp tác công - tư, hạn chế sự can thiệp mang tính chính trị. Tuy nhiên, gần đây xã hội Hàn Quốc xuất hiện một số vấn đề như: i. khả năng hình thành sự gắn kết lợi ích giữa một số tôn giáo và lực lượng chính trị; ii. tình trạng đối xử thiên lệch về hành chính đối với các giáo đoàn lớn. Những yếu tố này đặt ra thách thức đối với việc bảo đảm tính công bằng và minh bạch trong chính sách tôn giáo của Hàn Quốc (Vũ Hoàng Hà 2025: 87). Tại Việt Nam, nhà nước coi tôn giáo như một đối tác hợp tác cho phát triển quốc gia và thúc đẩy phúc lợi xã hội. Các tổ chức tôn giáo tích cực tham gia vào các hoạt động giáo dục, từ thiện và y tế, qua đó đóng góp và tạo ảnh hưởng tích cực đối với xã hội (Nguyễn Thị Hạnh và Vũ Quang Hưng 2019: 33-37).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các quốc gia đều có những thay đổi trong chính sách tôn giáo để phù hợp với thời đại hội nhập. Nhìn chung, Hàn Quốc và Việt Nam đều thừa nhận: i. vai trò đóng góp của tôn giáo đối với hội nhập xã hội; ii. giá trị của tôn giáo như một di sản văn hóa; iii. khả năng khai thác tôn giáo cho mục tiêu ngoại giao. Hàn Quốc áp dụng một chính sách phù hợp với thể chế dân chủ và đặc trưng xã hội đa tôn giáo trong khi Việt Nam duy trì mô hình hỗn hợp giữa quản lý và định hướng phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong tương lai, Hàn Quốc và Việt Nam có thể tham chiếu kinh nghiệm của nhau để có sự điều chỉnh chính sách phù hợp, hướng tới nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ của tôn giáo với xã hội và quốc gia; khai thác tôn giáo như một nguồn lực cho ngoại giao văn hóa. Bảng dưới đây so sánh chính sách tôn giáo của Hàn Quốc và Việt Nam dựa trên bốn trục chính: cơ sở pháp lý, cơ cấu hành chính, phạm vi cho phép hoạt động tôn giáo và ứng

xử đối với các tổ chức tôn giáo nước ngoài. Cách tiếp cận này dựa trên phân loại chính sách tôn giáo kiểu “quản lý” và “hợp tác”

của Kim (2017), qua đó cho thấy rõ hơn những đặc điểm thể chế cụ thể của từng quốc gia.

Bảng 1: So sánh chính sách tôn giáo của Hàn Quốc và Việt Nam

Tiêu chí	Hàn Quốc	Việt Nam
Cơ sở pháp lí	Điều 20 Hiến pháp: Đề cao quyền tự do tôn giáo và nguyên tắc tách rời chính trị.	<i>Luật Tín ngưỡng, tôn giáo</i> (2016), Nghị định hướng dẫn thi hành (2018): Nhà nước phê chuẩn thành lập, vận hành, giao lưu quốc tế.
Cơ cấu hành chính	Vụ Hành chính Tôn giáo thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Hoạt động theo hướng tham vấn, điều phối.	Ban Tôn giáo Chính phủ: Cơ quan quản lý cấp trung ương.
Phạm vi hoạt động	Bảo đảm hoạt động tự chủ, hạn chế can thiệp vào chính trị.	Đăng kí hoạt động hợp pháp.
Ứng xử với tổ chức tôn giáo nước ngoài	Cho phép hoạt động truyền giáo, từ thiện và giao lưu văn hóa.	Hoạt động truyền giáo có đăng kí, được cấp phép.

Có thể thấy, cả hai quốc gia đều quy định quyền tự do tôn giáo trong hiến pháp, pháp luật, thiết lập cơ quan hành chính chuyên trách để quản lý các vấn đề và tổ chức tôn giáo. Hàn Quốc nhấn mạnh nguyên tắc tách rời tôn giáo và chính trị. Việt Nam quản lý hoạt động tôn giáo thông qua hệ thống hành chính tập trung, vận hành cơ chế đăng kí và phê chuẩn.

5.2. Quan hệ giữa chính sách tôn giáo và ngoại giao văn hóa của Hàn Quốc, Việt Nam

Chính sách tôn giáo có liên hệ mật thiết với chiến lược ngoại giao văn hóa của quốc gia. Chính sách tôn giáo của Hàn Quốc vừa duy trì nguyên tắc phân li giữa tôn giáo và chính trị, vừa định hướng thúc đẩy sự đóng góp xã hội và giao lưu quốc tế của tôn giáo. Tuy không trực tiếp hỗ trợ các tôn giáo lớn (Phật giáo, đạo Tin Lành, Công giáo) nhưng chính phủ gián tiếp góp phần nâng cao hình ảnh quốc gia và mở rộng ngoại giao văn hóa thông qua hoạt động quốc tế của các tôn giáo này. Tông phái Tào Khê (Jogye) duy trì hợp tác với Phật giáo Đông Nam Á và Trung Á qua việc tổ chức diễn đàn Phật giáo quốc tế, các chương trình thiền định, vận

hành phái đoàn hòa bình (Kim và Park 2020). Công giáo xây dựng uy tín trên bình diện quốc tế qua việc tham gia vào các diễn đàn hòa giải Nam - Bắc Triều Tiên, hoạt động hỗ trợ người tị nạn, v.v..

Nhà nước Việt Nam coi tôn giáo như một bộ phận của bản sắc dân tộc và di sản văn hóa, đồng thời tích cực khai thác tôn giáo trong chiến lược ngoại giao. Chính phủ hợp tác với UNESCO để đưa các di sản tôn giáo vào danh mục Di sản văn hóa thế giới, tạo cơ hội tham gia các lễ hội tôn giáo cho người nước ngoài, biến các lễ hội tôn giáo thành không gian của du lịch văn hóa và kênh giao lưu ngoại giao (Vũ Hoàng Hà 2025: 121-122). Những tôn giáo dân tộc đặc thù (như đạo Cao Đài) được quan tâm nhằm quảng bá sự khác biệt văn hóa thông qua bản sắc tôn giáo. Đây chính là điểm giao thoa giữa chính sách tôn giáo và chiến lược văn hóa - ngoại giao (Nguyễn Thị Hạnh và Vũ Quang Hưng 2019).

Tôn giáo có thể vận hành như một công cụ hỗ trợ cho chính sách đối ngoại của nhà nước. Một số tổ chức đạo Tin Lành ở Hàn Quốc triển khai hình thức hợp tác quốc tế dựa trên nền tảng tôn giáo bằng cách kết hợp

hoạt động truyền giáo với các chương trình giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội tại các quốc gia đang phát triển (Sani và Fatima 2024). Tại Việt Nam, các hoạt động từ thiện của các tổ chức tôn giáo được nhà nước thừa nhận và cho phép cũng là một phương thức để xây dựng và nâng cao hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế. Có thể thấy, chính sách tôn giáo có khả năng trở thành nguồn lực ngoại giao góp phần hình thành và nâng cao sức thuyết phục văn hóa và sự liên kết, giao lưu và hợp tác quốc tế. Do đó, chính sách tôn giáo cần được thiết kế đa tầng, gắn kết với chiến lược ngoại giao văn hóa. Hàn Quốc lựa chọn cách tiếp cận dựa trên kênh ngoại giao nhân dân. Việt Nam triển khai những chính sách này dưới sự quản lý của nhà nước nhằm bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự xã hội trong quá trình hội nhập đang diễn ra nhanh chóng với nhiều cạnh tranh và phức tạp.

5.3. Vai trò của tôn giáo tại Hàn Quốc và Việt Nam

Tại Hàn Quốc, Phật giáo, đạo Tin Lành và Công giáo không chỉ là những cộng đồng tín ngưỡng mà còn vận hành như những chủ thể của ngoại giao nhà nước và sức mạnh mềm ở phạm vi trong và ngoài nước. Tôn giáo cũng đảm nhiệm một trụ cột của ngoại giao nhân dân, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh quốc tế và lan tỏa văn hóa Hàn Quốc ra thế giới.

i. Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong ngoại giao hòa bình và giao lưu văn hóa. Đặc biệt trong không gian Phật giáo Đông Á, Phật giáo Hàn Quốc duy trì quan hệ mật thiết và liên tục với các quốc gia trong khu vực như Nhật Bản, Trung Quốc, Việt Nam, Sri Lanka và Campuchia. Tào Khê tổ chức nhiều diễn đàn quốc tế, hội thảo thiện định,

hòa nhạc Phật giáo, qua đó mở rộng giao lưu tôn giáo - văn hóa trên phạm vi toàn cầu. Theo Jack (2022), ngoại giao Phật giáo có tiềm năng khuyến khích sự gắn kết khu vực cũng như thúc đẩy hòa hợp liên tôn giáo. Trên nền tảng các giá trị chung và mạng lưới giao lưu xuyên quốc gia, Phật giáo được xem là một nguồn lực mềm góp phần tăng cường hiểu biết lẫn nhau và xây dựng quan hệ hợp tác trong khu vực.

ii. Đạo Tin Lành tổ chức nhiều hoạt động truyền giáo, đặc biệt các hoạt động thiện nguyện kết hợp với các tổ chức phi chính phủ (NGO) được diễn ra khá sôi động (ở nhiều lĩnh vực như: y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo, v.v.). Tuy nhiên, các hoạt động này cũng tiềm ẩn nguy cơ xung đột với văn hóa hay tôn giáo sở tại. Theo Bianca (2024), đạo Tin Lành và Công giáo trên bán đảo Triều Tiên vừa có thể đóng vai trò như một chiếc cầu nối, thúc đẩy hòa giải và hợp tác liên Triều, nhưng đồng thời cũng có nguy cơ trở thành rào cản khi bị gắn với những căng thẳng tôn giáo - chính trị. Theo đó, vai trò của đạo Tin Lành không dừng lại ở phạm vi tín ngưỡng, mà ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình ngoại giao và hình ảnh quốc gia trong bối cảnh khu vực.

iii. Công giáo được xem như một cây cầu của ngoại giao văn hóa, tập trung vào nhân đạo và hòa bình. Công giáo Hàn Quốc đã tận dụng mạng lưới ngoại giao của Vatican để tham gia vào việc bày tỏ quan điểm về các vấn đề toàn cầu, các hoạt động liên quan đến nhân quyền, hòa bình và môi trường. Giáo hội Công giáo Hàn Quốc chú trọng việc tiếp nhận và thực thi thông điệp của Tòa thánh Vatican liên quan đến ứng phó khủng hoảng khí hậu và bảo vệ sinh thái, khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực ngoại giao nhân đạo - môi trường.

Bảng 2: Đánh giá chiến lược ngoại giao văn hóa của các tôn giáo lớn tại Hàn Quốc

Tôn giáo	Chiến lược ngoại giao văn hóa	Ưu điểm	Hạn chế
Phật giáo	Giao lưu văn hóa, thiền định, ngoại giao nhân dân định hướng hòa bình	Trung lập chính trị, khả năng dung nạp văn hóa.	Ảnh hưởng hạn chế, mức độ lan tỏa thấp
Đạo Tin lành (개신교)	Truyền giáo làm trung tâm, hoạt động của tổ chức phi chính phủ trong hợp tác phát triển	Năng lực tổ chức toàn cầu, tính linh hoạt	Nguy cơ xung đột văn hóa và mâu thuẫn tôn giáo.
Công giáo (천주교)	Lấy nhân đạo, môi trường và hòa bình làm trọng tâm.	Độ tin cậy đạo đức, tính ổn định thể chế.	Tính bảo thủ tương đối, hạn chế trong ứng phó với các vấn đề thời sự

Như vậy, các tôn giáo lớn tại Hàn Quốc đều có những chiến lược ngoại giao văn hóa đặc thù, qua đó vận hành như một bộ phận của năng lực đối ngoại quốc gia. Theo tác giả Kim (2017), trong quan hệ ngoại giao ở thế kỷ XXI, tôn giáo đang mở rộng vai trò, ảnh hưởng với tư cách là phương tiện của ngoại giao giá trị và ngoại giao nhà nước; đồng thời, tôn giáo cũng trở thành nguồn lực quan trọng hình thành và phát triển mối quan hệ tiếp xúc văn hóa ở cấp độ nhân dân. Theo tôi, chính phủ Hàn Quốc cần: i. xây dựng các chính sách hợp tác với các tôn giáo; ii. thiết lập các diễn đàn đối thoại để thúc đẩy hòa bình giữa các tôn giáo, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau; iii. định hình để tôn giáo có thể phát huy vai trò như một kênh truyền tải các giá trị phổ quát của nhân loại. Việc sử dụng tôn giáo trong ngoại giao văn hóa giúp cải thiện hình ảnh ngắn hạn và hình thành bản sắc tôn giáo trên trường quốc tế, củng cố sức mạnh mềm của Hàn Quốc trong tầm nhìn dài hạn.

Tại Việt Nam - một xã hội đa tôn giáo, quyền tự do tôn giáo được quy định rõ trong Hiến pháp và *Luật tín ngưỡng, tôn giáo* cùng các văn bản pháp lí liên quan. Nhà nước duy trì cơ chế quản lí tôn giáo trong khi tôn giáo vận hành như một nguồn lực cho ngoại giao văn hóa. Ở Việt Nam, các tôn giáo chung sống hài hòa và tham gia đóng góp vào tiến trình hội nhập xã hội và các chiến lược ngoại giao của quốc gia theo những cách thức khác nhau:

i. Phật giáo là kênh bảo tồn di sản văn hóa, là cầu nối cho ngoại giao văn hóa. Việt Nam nhìn nhận Phật giáo là một phần của văn hóa truyền thống dân tộc, gắn kết với công tác bảo tồn di sản để khai thác như một nguồn lực ngoại giao. Trong thời gian qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tích cực thúc đẩy giao lưu với các tổ chức Phật giáo trong khu vực (như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, v.v.). Thông qua các hoạt động được tuyên truyền rộng rãi như: giao lưu thanh niên Phật tử, Diễn đàn thiền quốc tế, Chiến dịch bảo vệ môi trường, v.v.. Phật giáo Việt Nam đã và đang hiện thực hóa mô hình “ngoại giao Phật giáo hòa bình”.

ii. Công giáo là tôn giáo gắn liền với hợp tác thể chế và liên kết nhân đạo quốc tế. Nhà nước Việt Nam hỗ trợ Công giáo trong hoạt động ở các lĩnh vực như phúc lợi xã hội, giáo dục, và y tế - kết nối trực tiếp với ngoại giao nhân đạo. Kênh ngoại giao với Tòa thánh Vatican có ảnh hưởng tích cực đối với hình ảnh quốc tế của Việt Nam, sự trung lập tôn giáo của Vatican là đảm bảo tín nhiệm để nhà nước coi Công giáo như một đối tác trong lĩnh vực ngoại giao văn hóa. Hiện nay, một số dòng tu và tổ chức từ thiện Công giáo Hàn Quốc đang vận hành bệnh viện, cơ sở phúc lợi cho người khuyết tật, các trại trẻ mồ côi tại khu vực miền Bắc và miền Trung Việt Nam. Những hoạt động này phù hợp với chiến lược nâng cao hình ảnh xã hội của nhà nước Việt Nam và góp phần tăng cường quan hệ Việt - Hàn.

iv. Đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo là những ví dụ tiêu biểu về sự vận dụng linh hoạt chính sách đối với các tôn giáo dân tộc tại Việt Nam. Đây là hai tôn giáo bản địa được hình thành độc lập trong lịch sử Việt Nam, được nhà nước công nhận là tôn giáo chính thức. Đạo Cao Đài với đặc trưng dung hợp nhiều yếu tố tôn giáo và định hướng quốc tế đã xây dựng được mạng lưới tín đồ hải ngoại tại Mỹ, Pháp, Nhật Bản và nhiều quốc gia khác. Mạng lưới này trở thành một kênh quảng bá đối ngoại, thể hiện sự đa dạng và tính cởi mở của văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế.

v. Sự giao lưu tôn giáo giữa Hàn Quốc và Việt Nam thể hiện xu hướng đa tầng. Vai trò ngoại giao văn hóa của tôn giáo Việt Nam và Hàn Quốc thể hiện rõ qua các hoạt động và sự kiện như: Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp Đoàn Phật giáo Viên Hàn Quốc (12/2025) tại chùa Quán Sứ; Giao lưu văn hóa thiền Thanh thiếu niên Việt – Hàn 2025 tại chùa Tam Chúc; Đại học Catholic (Catholic University of Korea) tăng cường hợp tác về học thuật và đào tạo với đối tác Việt Nam, các hoạt động tình nguyện của đạo Tin Lành, v.v.. Trong cộng đồng người Việt tại Hàn Quốc, các tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, đạo Cao Đài, v.v. đóng vai trò duy trì bản sắc tôn giáo và văn hóa Việt. Quá trình này hình thành một hiện tượng mới - có thể gọi là “Hallyu hóa tôn giáo - văn hóa Việt Nam” cho thấy sự lan tỏa của các yếu tố tôn giáo Việt trong không gian xã hội và văn hóa Hàn Quốc. Xu hướng hội nhập này là bằng chứng thực tiễn cho thấy, tôn giáo có thể vận hành như một nguồn lực mở rộng bản sắc văn hóa, hình thành diễn ngôn về hòa bình khu vực, trở thành tài sản của ngoại giao nhà nước trên trường quốc tế.

6. Luận bàn và kết luận

Tôn giáo là một nguồn lực sức mạnh mềm trong việc truyền tải bản sắc và giá trị

văn hóa, nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn nguy cơ chính trị hóa. Vì vậy, tôi cho rằng khi khai thác tôn giáo như một yếu tố của ngoại giao văn hóa, cần cần nhắc 4 điểm sau: i. duy trì tính trung lập chính trị; ii. tôn trọng văn hóa tôn giáo của quốc gia đối tác; iii. bảo đảm tính bình đẳng giữa các tôn giáo; iv. thúc đẩy giao lưu nhân dân. Khi thiết kế chiến lược ngoại giao tôn giáo, các cơ quan hữu quan cần chú ý để tôn giáo có thể vận hành như một kênh giao lưu dựa trên sự hiểu biết văn hóa và tin cậy lẫn nhau.

Gần đây, dựa trên các cộng đồng người Việt hải ngoại, một số tổ chức tôn giáo như Phật giáo Hòa Hảo, đạo Cao Đài và Công giáo đã từng bước triển khai các hoạt động gìn giữ tôn giáo và văn hóa dân tộc tại Campuchia, Thái Lan, Malaysia. Tại Phnom Penh (Campuchia), cộng đồng Phật tử gốc Việt đã xây dựng một số ngôi chùa và trung tâm giáo dục. Các cơ sở này không chỉ góp phần duy trì bản sắc tôn giáo và văn hóa cho cộng đồng di cư Việt Nam, mà còn được sử dụng như một đầu mối giao lưu văn hóa với Phật giáo bản địa (Nguyễn Thị Hạnh và Vũ Quang Hưng 2019). Trong khuôn khổ chiến lược “ngoại giao văn hóa”, Việt Nam đã quảng bá các lễ hội tôn giáo truyền thống (như Phật giáo và đạo Cao Đài, v.v.) thông qua sự phối hợp với các trung tâm văn hóa hoặc đại sứ quán ở nước ngoài. Các chương trình biểu diễn văn hóa dựa trên di sản tôn giáo là Di sản văn hóa thế giới của UNESCO cũng được tổ chức tại nhiều thành phố lớn ở Đông Nam Á. Những dự án hợp tác tôn giáo được triển khai trên cơ sở sự tương đồng lịch sử - văn hóa với Lào và Campuchia đã góp phần củng cố lòng tin trong nhân dân, đồng thời thắt chặt mối liên kết ngoại giao giữa các quốc gia trong khu vực (Vũ Hoàng Hà 2025: 121-124).

Dựa trên thế mạnh của các tổ chức tôn giáo trong nước, cả Hàn Quốc và Việt Nam đều triển khai nhiều hình thức hoạt động tôn giáo tại Đông Nam Á. Trong một số trường

hợp, các mạng lưới tôn giáo này đã có sự tương tác hoặc hợp tác lẫn nhau. Tại một trường đại học ở Thái Lan, Trung tâm Thiền Hàn Quốc và một tổ chức Phật giáo Hòa

Hảo của Việt Nam đã phối hợp tổ chức diễn đàn văn hóa chung. Sự kiện này gợi mở triển vọng đối thoại liên tôn giáo và hợp tác trong lĩnh vực văn hóa tôn giáo Đông Á.

Bảng 3: So sánh các hoạt động tôn giáo của Hàn Quốc và Việt Nam

Tiêu chí so sánh	Hàn Quốc	Việt Nam
Các tôn giáo chính	Phật giáo, đạo Tin lành, Công giáo	Phật giáo (bao gồm Phật giáo Hòa Hảo), đạo Cao Đài, Công giáo
Khu vực hoạt động chính	Philippines, Thái Lan, Campuchia, Indonesia, v.v.	Campuchia, Lào, Malaysia, v.v.
Hình thái hoạt động	Truyền giáo, y tế, giáo dục, chương trình thiện, v.v.	Hoạt động cộng đồng người Việt hải ngoại, tái hiện văn hóa truyền thống, hỗ trợ giáo dục, v.v.
Sự hỗ trợ/hạn chế của nhà nước	Tự chủ, song còn tranh cãi về liên kết chính trị - tôn giáo	Hoạt động dưới sự quản lý của nhà nước.
Nguồn lực ngoại giao văn hóa	Khai thác trong cả ngoại giao công và ngoại giao văn hóa.	Đưa vào chiến lược ngoại giao văn hóa.

Như vậy, Hàn Quốc khai thác tôn giáo như một nguồn lực ngoại giao tại Đông Nam Á, qua đó đóng góp vào ngoại giao nhân dân, giao lưu văn hóa và lan tỏa các diễn ngôn hòa bình. Việt Nam dựa vào di sản văn hóa, cộng đồng người Việt ở nước ngoài, v.v. để thúc đẩy việc mở rộng mạng lưới tôn giáo, quá trình này là sự tiếp nối của bản sắc quốc gia và ngoại giao văn hóa. Trong tương lai, thông qua sự hợp tác giữa các tổ chức tôn giáo Hàn - Việt, có thể kì vọng đến khả năng hợp tác đa phương dưới hình thức các dự án chung hay diễn đàn quốc tế. Trong thực tiễn xã hội, tôn giáo vượt qua niềm tin cá nhân, có thể thúc đẩy hội nhập xã hội, duy trì bản sắc văn hóa, đặc biệt trở thành nguồn lực ngoại giao - văn hóa trong thời đại hội nhập. Vì vậy, sự tương tác giữa chính sách tôn giáo và ngoại giao văn hóa cần được lí giải trong bối cảnh xã hội - văn hóa cụ thể. Tôn giáo bao hàm những nguồn lực xã hội - văn hóa (như bản sắc, giá trị, v.v.), có thể vận hành như nền tảng quan trọng của ngoại giao nhà nước trong quan hệ quốc tế. Do đó, có thể nhận định rằng, chính

sách tôn giáo có mối liên hệ không thể tách rời với chiến lược ngoại giao văn hóa, có thể trở thành đòn bẩy chính sách quan trọng trong việc làm sâu sắc hơn quan hệ song phương (hoặc đa phương) giữa các quốc gia. Nghiên cứu này đã tiến hành phân tích, so sánh chính sách tôn giáo của Hàn Quốc và Việt Nam, đồng thời khảo sát cách thức các tôn giáo của mỗi quốc gia được khai thác như một nguồn lực ngoại giao văn hóa. Kết quả cho thấy, mặc dù có sự khác biệt về thể chế chính trị và bối cảnh lịch sử - xã hội và văn hóa, cả hai quốc gia đều thể hiện điểm chung trong chiến lược coi tôn giáo như một nguồn lực quan trọng, một tài sản phục vụ hội nhập xã hội và ngoại giao văn hóa. Việc giao lưu và hợp tác tôn giáo giữa hai quốc gia cần được thiết kế dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau. Trong tương lai, hai quốc gia cần xây dựng các chiến lược ngoại giao văn hóa mang tính hệ thống, thực hiện hợp tác hiệu quả trên cơ sở bảo đảm an ninh quốc gia, hài hòa với hội nhập quốc tế, qua đó, thúc đẩy sự hiểu biết, tôn

trọng trong giao tiếp liên văn hóa. Tôn giáo ngày nay đang trở thành nguồn lực cốt lõi trong việc xây dựng lòng tin giữa các quốc gia, thúc đẩy giao lưu văn hóa và khơi dậy các diễn ngôn hòa bình (peace discourse). Để đạt được và duy trì điều này, cần có sự bảo trợ chính sách, sự tích lũy nghiên cứu, cũng như việc xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế - những yếu tố được xem là nhiệm vụ trọng tâm của ngoại giao văn hóa - tôn giáo trong thế kỷ XXI.

* Kết quả nghiên cứu thuộc Dự án “Hàn Quốc học tại miền Bắc Việt Nam: chia sẻ và phát triển” trong Chương trình Hạt giống Hàn Quốc học do Viện nghiên cứu Hàn Quốc học trung ương tài trợ. Mã số AKS-2022-INC-22500XX.

Tài liệu trích dẫn

- Bianca, Trifoi. 2024. “Protestantism and Christianity on the Korean Peninsula: A Bridge or Barrier to Korean Reconciliation and Cooperation”. *Geopolitics of Religious Soft Power*. Berkley Center for Religion, Peace & World Affairs. Truy cập ngày 29 tháng 11 năm 2025.
- Björkdahl, A. 2012. “Normative and Diplomatic Cultures in the European Union: A Transnational Approach”. *Global Affairs* 1(1): 25–39.
- Casanova, José. 1994. *Public Religions in the Modern World*. Chicago: University of Chicago Press.
- Cohen, Raymond. 2013. *Negotiating Across Cultures: Communication Obstacles in International Diplomacy*. Washington: US Institute of Peace Press.
- Cummings, Milton C. 2003. “Cultural Diplomacy and the United States Government: A Survey”. Washington: Center for Arts and Culture.
- Đậu Tuấn Nam và Nguyễn Anh Cường. 2025. “The Role of Culture and Diplomacy in Enhancing Vietnam's Soft Power”. *Journal of Posthumanism* 5(4): 1489–1512; <https://doi.org/10.63332/joph.v5i4.1276>
- Grim, Brian, and Roger Finke. 2011. *The Price of Freedom Denied: Religious Persecution and Conflict in the Twenty-First Century*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Haynes, Jeffrey. 2014. *Faith-based Organizations at the United Nations*. London: Springer Press. <https://berkleycenter.georgetown.edu/publications/protestantism-and-christianity-on-the-korean-peninsula-a-bridge-or-barrier-to-korean-reconciliation-and-cooperation>. <https://doi.org/10.1093/acrefore/9780190846626.013.518>
- Jack, Meng-Tat Chia. 2022. “Buddhist Diplomacy: Potential for Regional Cohesion”. August 12th. *RSIS Commentary Series*. Truy cập ngày 12 tháng 8 năm 2025. <https://rsis.edu.sg/rsis-publication/rsis/towards-iccs-2022-buddhist-diplomacy-potential-for-regional-cohesion/>
- Kang, Hae-ryun. 2015. “Modern cultural diplomacy in Korea: Top-down or bottom-up?” (Ngoại giao văn hóa hiện đại ở Hàn Quốc: Từ trên xuống hay từ dưới lên?). *International Journal of Cultural Policy* 21(4): 433–445.
- Kim, Kyung-rae và Park Cheong-hwan (김경래, 박정환). 2020. “Migrant Buddhists and Korean “Multiculturalism”-A brief survey of the issues surrounding support for South Korea’s immigrant Buddhist communities”. *Religions* 11(12): 628. <https://doi.org/10.3390/rel11120628>
- Lê Lan Thảo. 2024. “Vietnam’s religious transformation and the Fourth Industrial Revolution: Cultural diplomacy and social cohesion”. *Vietnam Journal of Social Research* 8(1): 20–34.
- Neumann, Iver B. 2002. “Returning Practice to the Linguistic Turn: The Case of Diplomacy”. *Millennium: Journal of International Studies* 31(3): 627-651.

- Nguyễn Anh Cường, Đỗ Quang Hùng, Nguyễn Hữu Thụ, Nguyễn Việt Hùng, Phạm Quốc Thành, Vũ Bảo Tuấn và Trần Mai Ước. 2022. “From Changes in Religious Policy to Consequences for Freedom of Religion and Belief in Vietnam”. *Academic Journal of Interdisciplinary Studies* 11(6): 71-81. <https://doi.org/10.36941/ajis-2022-0150>
- Nguyễn Quang Hưng. 2014. “Chính sách tôn giáo của Việt Nam trong bối cảnh khu vực (Qua so sánh với Hàn Quốc)”. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* 7(133): 21-35.
- Nguyễn Thị Hạnh và Vũ Quang Hưng. 2019. “Religious policy and state management in Vietnam: Cultural and diplomatic dimensions”. *Journal of Southeast Asian Studies* 10(2): 77–91.
- Nye, Joseph. 2004. *Soft Power: The Means to Success in World Politics*. New York: Public Affairs.
- Raj, Arpana. 2022. “Resurgence of Buddhism in Indian and Chinese Diplomacy”. *Asian Journal of Comparative Politics* 7(1): 23–41.
- Sani, Jack, and Fatima Khabeer. 2024. “Soft power strategies: Cultural diplomacy as a tool for strengthening global alliances”. *ResearchGate*. <https://doi.org/10.13140/RG.2.2.27930.76480>
- Snow, Nancy. 2009. *Public Diplomacy: New Dimensions and Global Trends*. Los Angeles: Figueroa Press.
- Trần Thị Thảo Hiền. 2022. “The Changes in the Religious and Belief Life of Vietnamese People in the Current Period: From Practice to Policy”. *Global Academic Journal of Humanities and Social Sciences* 4(6): 199-206. <https://doi.org/10.1142/S271754132250005X>
- Trần Thị Thúy Ngọc. 2025. “Religious policy in Vietnam: Balancing cultural heritage and modern adaptation”. *International Journal of Innovative Research and Social Sciences* 7(2): 33–45.
- Zanella, Cristine Koehler. Junior, Edson José Neves. Silva, Livia Ribeiro. 2024. “Cultural diplomacy and soft power: Critical analysis and methodological application”. *Revista do Serviço Público* 75(1): 115–136.
- 김정수. 2019. “우리나라 종교문화 정책의 문제점과 위험성”. *종교문화연구* 31(2): 185–207. (Kim, Jeong-su. 2019. “Những vấn đề và rủi ro trong chính sách văn hóa tôn giáo của Hàn Quốc”. *Nghiên cứu văn hóa tôn giáo* 31(2): 185–207).
- 김형수. 2017. “교와 국가의 관계에 대한 비교정책연구”. *비교정치연구* 24(2): 145–170 (Kim, Hyung-su. 2017. “Nghiên cứu so sánh chính sách về mối quan hệ giữa tôn giáo và nhà nước”. *Nghiên cứu chính trị so sánh* 24(2): 145–170).
- 박기용. 2022. “한국 종교단체의 문화외교 기능과 정책 연계 방안”. *문화정책연구* 36(1): 55–76. (Park, Ki-yong. 2022. “Chức năng ngoại giao văn hóa của các tổ chức tôn giáo Hàn Quốc và phương án liên kết chính sách”. *Nghiên cứu chính sách văn hóa* 36(1): 55–76).
- 부황하. 2025. *한국과 베트남의 종교정책 비교 연구*. 석사학위논문, 한국학중앙연구원. (Vũ Hoàng Hà. 2025. “Nghiên cứu so sánh chính sách tôn giáo giữa Hàn Quốc và Việt Nam”. Luận văn thạc sĩ. Viện Nghiên cứu Hàn Quốc học Trung ương).